

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/04/2025

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

- Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Phong

2. Bà Bùi Thanh Hà

- **Thư ký phiên tòa:** bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án Nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 04 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 222/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HN ngày 20 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông La Minh N, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: KV P, phường L, quận O, Tp Cần Thơ

- Bị đơn: bà Lê Thị Thu P, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: KV P, phường L, quận O, Tp Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 30/10/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông La Minh N trình bày: Vợ chồng đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND phường T quận O, Tp Cần Thơ. Hiện tại, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Thu P. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quá trình chung sống không hợp nhau, bà P thường xuyên gây nộ nân ông phải trả nhiều lần. Đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không có hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn. Về tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết (tài sản chung là căn nhà cấp 04 cất trên đất của người anh ruột vào năm 2011, khi cất trị giá 80.000.000 đồng), nợ chung là không có. Về con chung có 01 con chung tên La Trung K, sinh ngày 30/6/2006 (đã trưởng thành). Hiện ông đang sinh sống tại Hồ Chí Minh từ năm 2019, có đăng ký tạm trú và ly thân với bà P từ năm 2019.

- Bị đơn bà Lê Thị Thu P trình bày: Không đồng ý ly hôn với ông La Minh N vì bà yêu cầu phải có nhà cửa cho con sinh sống và còn thương chồng. Về nợ chung là không có, về tài sản chung là căn nhà cấp 04 cất trên đất của người anh chồng La Văn Đồi vào năm 2011, khi cất trị giá 80.000.000 đồng, nay không đồng ý chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung có 01 con chung tên La Trung K, sinh ngày 30/6/2006 (đã trưởng thành). Vợ chồng đã không sống cùng nhau khoảng 5 năm nay, không còn tới lui thăm hỏi nhau. Hiện bà đang sinh sống tại phường Long Hưng, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc được ly hôn với bà Lê Thị Thu P, do hiện không còn tình cảm. Về nợ chung là không có, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và con chung có 01 con chung đã trưởng thành. Vợ chồng đã sống ly thân được 05 năm, không ai quan tâm đến ai và tự làm kiếm thu nhập sinh sống riêng.

Bị đơn bà Lê Thị Thu P không đồng ý ly hôn vì con cái, muốn cho con có đủ cha và mẹ. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân, không hỏi han gì nhau. Hiện bà làm thuê để kiếm sống. Còn ông N thì đang sinh sống tại Hồ Chí Minh khoảng 5 năm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật bên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Thu P. Giữa ông La Minh N và bà Lê Thị Thu P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên xem là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại quận Ô Môn, Tp Cần Thơ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:* Nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân khoảng 2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, về thu nhập các bên tự lo liệu. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông N cho rằng bà P nhiều lần gây nợ, ông phải trả nợ cho bà P nhiều lần. Nay không còn tình cảm với bà P. Hội đồng xét xử nhận thấy về mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày, đồng thời các bên hiện không còn sống cùng nhau từ năm 2019, không quan tâm đến nhau cho thấy vợ chồng đã có sự bỏ mặc nhau, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Kể từ khi Tòa án thụ lý đến nay và tiến hành hòa giải nhưng ông N vẫn giữ yêu cầu ly hôn, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm với nhau. Cho thấy, hôn nhân đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] *Về tài sản chung, nợ chung và con chung:* Nguyên đơn trình bày không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác. Về con chung thì có 01 con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về tài sản chung do các bên đến thời điểm này không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên sẽ được giải quyết sau nếu sau này có phát sinh tranh chấp.

[3] *Về án phí:* Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông La Minh N phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông La Minh N.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông La Minh N được ly hôn với bà Lê Thị Thu P.

- *Về nợ chung:* Ông La Minh N cho rằng không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông La Minh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002231 ngày 22/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, TP. Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định) để yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Thái